TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08 / 02 / 2018
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;

2. Bà Trương Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Ngô Minh Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS ngày 17/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:: số nhà 71/1, khóm V, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: tổ 19, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1988, nơi cư trú: tổ 19, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông T có mặt, bà A vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày: Ông và bà A tự tìm hiểu, quen biết và tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc, tỉnh An Giang theo Trích lục kết hôn số 0883/TLKH-BS cấp ngày 21/9/2017.

Trong thời gian chung sống, ông và bà A có 02 con chung tên Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 11/10/2005 và Huỳnh Ngọc T2, sinh ngày 2015. Hiện các cháu đang sống chung trong gia đình, ông T đồng ý giao các cháu cho bà A nuôi dạy và ông cũng không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế vợ chồng thường xuyên giận nhau và bất đồng quan sống nên ông T xin ly hôn bà A.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà A thống nhất với trình bày của ông T về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà A xác định bà và ông T sống chung hạnh phúc cho đến tháng 5/2017 phát sinh mâu thuẫn, do bà không thích người làm công trong tiệm bán điện thoại của chồng vì người này có tính tình không tốt, đồng thời chồng bà và người làm công cũng có cử chỉ lén lúc với nhau nên bà có khuyên chồng không mướn người này nữa. Bản thân bà không có nghề nghiệp nên có xin ra bán tiếp chồng, nhưng ông T không đồng ý, khi đó mẹ chồng bà biết được sự việc có kêu chồng bà về hỏi chuyện thì ông T không đồng ý cho người này thôi việc. Hiện tại bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Tại phiên tòa, ông T cho rằng vì vợ thách thức ông ly hôn nên ông ly hôn cho thỏa giận, ngoài ra không có nguyên nhân nào khác. Hiện tại ông T cùng vợ và các con vẫn ở chung trong gia đình. Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà A.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, việc xét xử vắng mặt bà A là đảm bảo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào biên bản xác minh tại khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, nhận thấy tình trạng hôn nhân của ông T, bà A không có mâu thuẫn gì lớn. Đồng thời theo nguyện vọng của cháu Huỳnh Thanh T1

không muốn cha mẹ ly hôn với nhau. Từ trình bày của đương sự tại phiên tòa và tài liệu chứng cứ nêu trên cho thấy chưa đủ căn cứ để xác định bà A vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được để giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy việc ông T yêu cầy ly hôn với bà A là không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà A (cư trú tổ 19, khóm Vĩnh Đông, thành phố Châu Đốc). Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự có mặt của các đương sự: Bà A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà A vắng mặt hai lần không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Ông T và bà A kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc, tỉnh An Giang nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông T yêu cầu xin ly hôn bà A vì cho rằng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên cải vã, nguyên nhân vơ chồng không còn hòa hợp từ kinh tế và sinh hoạt hàng ngày. Bà A không đồng ý ly hôn ông T, bà cho rằng nguyên nhân ông T xin ly hôn bà là do ông T có quan hệ bất chính với người phữ khác (người nữ giúp việc bán điện thoại với T). Bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn với T.

Xét thấy việc ông T nêu mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do kinh tế gia đình nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng đến mức trầm trọng, không thể sống chung được nữa. Theo kết quả xác minh ngày 13/12/2017 của Ban khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam xác định tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà A thì ban khóm không nắm, gia đình không có tranh chấp hay thưa kiện gì ở địa phương. Mặc khác ông T, bà A cùng thừa nhận vợ chồng vẫn còn sống chung trong nhà, cùng nhau lo nuôi dạy con chung; Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Huỳnh Thanh T1 thì cháu T1 có nguyện vọng chung sống cùng với cha mẹ và không muốn cha mẹ ly hôn. Do đó xét thấy tình cảm vợ chồng giữa T và A vẫn còn, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của

ông T xin ly hôn bà A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T nên về con chung, tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 266, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bác yêu cầu của ông Huỳnh Thanh T xin ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc A.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/0014772 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, ông T đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Ngọc A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà A là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

(đã ký)

Lư Thị Châu Ngọc